

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vương Văn Mù
- Bà Lê Thị Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1984, địa chỉ: khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh;

- *Bị đơn:* anh Đinh Văn T, sinh năm: 1984; địa chỉ: khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

(chị L, anh T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai đề ngày 05-9-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Đinh Văn T tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại xã G, huyện T (nay là phường G, thị xã T). Ngày cưới bên chồng cho 01 đôi bông tai, 01 chiếc lắc, 01 sợi dây chuyền, nhẫn cưới, tất cả là 06 chỉ vàng 24k, số vàng này vợ chồng bán chi phí xây nhà. Cưới xong vợ chồng sống chung bên chồng tại B, G, T, vợ chồng đi làm công nhân. Sống được 07 tháng cha mẹ chồng cho đất, vợ chồng xây nhà ra ở riêng luôn. Vợ chồng sống đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không phù hợp, bất

đồng quan điểm, anh T khó khăn tính toán về tiền bạc chi tiêu trong gia đình, từ đó vợ chồng lời qua tiếng lại cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc, nhưng chị vẫn chịu đựng để sống nuôi con. Đến ngày 28 Tết năm 2022 anh T kiếm chuyện chửi đũa chị đi, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ ngày 28 Tết năm 2022. Thời gian này chị bệnh phải phẫu thuật ở nhà mẹ ruột nghỉ dưỡng, Thiên anh không quan tâm, cũng không phụ tiền cho chị trị bệnh, anh còn thường xuyên gọi điện la lối chửi mắng chị. Do vợ chồng không còn tình cảm, cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 01 con Đinh Nguyễn Thiên T1, sinh ngày 11-6-2014, hiện chị đang nuôi, chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: có 01 căn nhà tường diện tích ngang 05m dài 18m xây trên đất của cha mẹ chồng cho, cha mẹ chồng đứng tên giấy đất, hiện anh T đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản nào khác.

- Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngày 18-3-2024 chị có đơn xin giải quyết vắng mặt, do bận đi làm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13-3-2024 bị đơn anh Đinh Văn T trình bày: anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại xã G, T. Ngày cưới gia đình anh có cho vợ số nữ trang nhưng vợ chồng đã bán chi phí hết. Cưới xong vợ về sống chung nhà mẹ anh tại B, G, T, sau đó vợ chồng xây nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ anh. Vợ chồng sống đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng sống không phù hợp, nên hay cãi vã gây gổ nhau, vợ bỏ về bên cha mẹ vợ ở, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2022. Thời gian này vợ chồng có gặp nhau nhưng không bàn việc đoàn tụ lại. Nay vợ xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 con tên Đinh Nguyễn Thiên T1, sinh ngày 11-6-2014, hiện vợ đang nuôi, anh đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng, nhưng anh làm có tiền sẽ lo cho con.

- Về tài sản chung: có 01 căn nhà tường chưa tô, xây trên đất của cha mẹ anh đứng tên giấy đất, hiện anh đang quản lý; 01 chiếc xe honda tay ga S không nhớ biển số vợ đang quản lý, anh không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết. Ngày 13-3-2024 anh có đơn xin giải quyết vắng mặt, do bận đi làm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị L và anh T có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt, có lý do nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Đinh Văn T; về con chung: giao cháu Đinh Nguyễn Thiên T1, sinh ngày 11-6-2014 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: chị L, anh T không yêu

cầu nên không giải quyết; về nợ chung: không có nên không giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: chị L và anh T có đơn xin vắng mặt có lý do, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị L, anh T tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2010, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ cuối năm 2022.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, nên hay cãi vã gây gổ nhau. Theo chị L là do anh T khó khăn tính toán về tiền bạc, nên hay cãi vã gây gổ nhau, cuộc sống không hạnh phúc, đến cuối năm 2022 chị dẫn con bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và xin ly hôn. Anh T cho rằng vợ chồng sống không phù hợp nên hay cãi vã gây gổ nhau, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2022. Nay anh đồng ý ly hôn với chị L, anh xin vắng mặt không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải, tức là anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 01 cháu Đình Nguyễn Thiên T1, sinh ngày 11-6-2014, hiện chị L đang nuôi. Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh T đồng ý theo yêu cầu của chị L. Xét thấy, yêu cầu về con chung của anh chị là tự nguyện, qua xem xét thì cháu T1 có nguyện vọng muốn sống với mẹ, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu T1 cho chị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình. Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: chị L, anh T không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị L, anh T khai không có, nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị L chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Đinh Văn T. Chị L được ly hôn với anh T.

2. *Về con chung*: giao cháu Đinh Nguyễn Thiên T1, sinh ngày 11-6-2014, cho chị Nguyễn Thị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đinh Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị L, anh T không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị L, anh T khai không có, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị L chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027603 ngày 09-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị L nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND P. Gia Bình, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An